CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO
Tầng 3, toà nhà B15 - Khu đô thị mới Đại Kim
Phường Đại Kim - Quận Hoàng Mai - TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

Quý IV năm 2009

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	NỘI DUNG	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**548,098,481,717**	**623,531,455,216**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	59,488,104,125	162,997,584,053
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	110,287,000,000	30,249,500,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	125,762,034,278	245,227,042,467
4	Hàng tồn kho	174,476,455,564	137,238,215,438
5	Tài sản ngắn hạn khác	78,084,887,750	47,819,113,258
II	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**270,002,710,236**	**524,163,447,166**
1	Các khoản phải thu dài hạn	1,305,000,000	996,252,668
2	Tài sản cố định	**265,260,108,297**	**513,482,650,944**
	- Tài sản cố định hữu hình	19,921,421,242	*18,195,244,954*
	- Tài sản cố định thuê tài chính	*5,927,160,762*	*6,568,449,812*
	- Tài sản cố định vô hình	*837,486,710*	*419,461,673*
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	*238,574,039,583*	*488,299,494,505*
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1,310,000,000	6,073,000,000
5	Tài sản dài hạn khác	2,127,601,939	3,611,543,554
III	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**	**818,101,191,953**	**1,147,694,902,382**
IV	**NỢ PHẢI TRẢ**	**747,063,932,255**	**988,955,397,489**
1	Nợ ngắn hạn	470,002,458,624	585,549,900,681
2	Nợ dài hạn	277,061,473,631	403,405,496,808
V	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**64,687,657,672**	**150,519,565,666**
1	Vốn chủ sở hữu	64,420,183,249	149,853,955,088
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	*55,000,000,000*	*135,000,000,000*
	- Thặng dư vốn cổ phần		*8,337,500,000*
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ (*)		
	- Chênh lệch giá đánh lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	*5,064,299,684*	*5,894,575,505*
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	*4,355,883,565*	*621,879,583*
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	267,474,423	665,610,578
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	*267,474,423*	*665,610,578*
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		
VI	**Lợi ích của cổ đông thiểu số**	**6,349,602,026**	**8,219,939,227**
VII	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**818,101,191,953**	**1,147,694,902,382**

I.B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Luỹ kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	271,451,143,886	472,326,964,438
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	956,612,986	1,219,099,912
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	270,494,530,900	471,107,864,526
4	Giá vốn hàng bán	249,680,477,518	421,427,001,300
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20,814,053,382	49,680,863,226
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2,417,033,046	3,442,384,512
7	Chi phí tài chính	3,216,725,526	7,349,420,133
8	Chi phí bán hàng	3,230,552,316	3,814,243,854
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12,155,133,061	27,994,266,438
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4,628,675,525	13,965,317,313
11	Thu nhập khác	634,318,489	4,112,743,947
12	Chi phí khác	1,669,885,137	2,439,258,470
13	Lợi nhuận khác	(1,035,566,648)	1,673,485,477
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3,593,108,877	15,638,802,790
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,063,298,036	5,266,925,372
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1,529,810,841	10,371,877,419
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	248	1,856
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc

Phạm Văn Lương